

HOA NGHIÊM KINH NỘI CHƯƠNG MÔN ĐẲNG TẠP KHÔNG MỤC

QUYỂN 2

PHẨM TỊNH HẠNH, ĐẦU TIÊN NÓI VỀ CHƯƠNG NGHĨA PHÂN CHIA XẾP ĐẶT KHÔNG ĐỒNG PHÁP HẠNH CỦA PHÀM THÁNH

Pháp hạnh mà phàm, Thánh đã tu đều do ba nghiệp thành, hồi hướng đều khác nhau. Như một môn thực hành thí cho, Phật dạy: “Kẻ phá giới, phá kiến, phá oai nghi, bảo họ thực hành thí cho. Vì sao? Vì muốn cho họ lìa địa ngục, nên hạnh thí cho này dù không thuận gần phần Bồ-đề, phần giải thoát thiện, nhưng Phật vì cứu khổ nên vẫn cho họ thực hành. Cứ như gốc lành của người, trời này, tu giới, thí, bảo họ thực hành hạnh thí cho dù không phải rất ráo là lìa súc sinh, ngạ quỷ, nhưng vẫn cho họ thực hành thí cho không nghi ngờ. Nếu tu phần giải thoát thiên là vì lìa bỏ hàng trời, người, Phật cho phép thực hành. Thanh văn, Duyên giác tức là sự thí kia. Nếu tu đạo Bồ-tát vì Thanh văn hồi tâm, đầu tiên bảo cho họ thực hành, vì dẫn phát giáo pháp ban đầu, sau cùng bảo cho họ thực hành, vì dẫn giáo tiệm, giáo đốn, thừa nhận thực hành, vì dẫn giáo đốn, vì Viên giáo thừa nhận hành thí, nên tâm mãn của vị Tín, Hiền Thủ khen đức, nói rộng về hạnh bố thí. Với sự cúng dường là thuận với việc lành của Nhất thừa, không bỏ một pháp, y cứ ý riêng của Phật, chỉ Nhất thừa mới thực hành được, các thừa còn lại không thể thực hành. Vì sao? Vì không phải y rất ráo.

Sự lấy, bỏ như thế đều riêng, đều đồng một thí. Vì sao? Vì đều do trí tuệ nên có khác nhau, như một môn thí, muôn hạnh đều như thế, so sánh để biết.

CHƯƠNG MƯỜI LỤC

Mười lục: Lực trí của thị xứ, phi xứ, lực trí nghiệp của mình, lực trí của thiên, giải thoát, tam-muội, chánh thọ, lực trí của các căn nhạy bén,

chậm lụt, mỗi thứ lực trí của giải, lực trí của mỗi thứ chủng tánh, lực trí của đạo chí xứ, lực trí của thân mạng đời trước, lực trí của sinh tử, lực trí của lậu tận, vì đều không thể khất phục, nên gọi là lực, vì năng lực của trí vô biên, nên gọi là Lực.

Danh, nghĩa của Ba thừa này đồng với Tiểu thừa, thuận theo hai tông cao, thấp không bằng nhau.

Tiểu thừa như cái gọi là Thật, Sơ giáo tức không, Chung giáo tức như, Đốn giáo không thể nói. Nghĩa của Nhất thừa, như lực Na-la-diên tràng trong phẩm Pháp Bất Tư Nghị, có thể biết.

CHƯƠNG SÁU BA LA MẬT

Sáu Ba-la-mật: Đà-na, Thi-la, Sằn-đê, Tỳ-lê-na, Trì-ha-na, Bát-la-nhã, Ba-la-mật.

Đà na, Hán dịch là bố thí. Vận dụng tâm cùng khắp gọi là bố, san sẻ của mình, làm ơn cho người gọi là thí. Thi-la, Hán dịch là thanh lương. Sự, v.v... bốc hơi ngọn lửa ba nghiệp, như nhiệt, vì giới có công năng ngăn ngừa nóng bức, nên nói là mát mẻ. Sằn-đê, Hán dịch là nhẫn nhục. Người khác thêm xúc não, gọi là nhục, chịu đựng đối với nỗi nhục gọi nhẫn. Tỳ-lê-da, Hán dịch là tinh tấn, rèn luyện tâm ở pháp, gọi là tinh, sự việc của tâm ròng rã thông suốt gọi là Tấn. Trì-ha-na, Hán dịch là Trí sinh, vì y chỉ định sinh trí nên gọi trí sinh. Bát-la-nhã, Hán dịch là Tuệ, đối với duyên quyết định sáng suốt, hiểu rõ nên gọi là Tuệ. Ba-la-mật, Ba-la là bờ bên kia, mật là đến, tức đến bên kia bờ. Nghĩa này Ba thừa, Tiểu thừa gọi cùng đồng. Nếu đối với nghĩa kia tức đến bờ bên kia, không đến bên kia bờ khác nhau. Nếu Sơ giáo của Ba thừa.

Sáu độ đều có mười nghĩa, như luận Địa Trì chép: “Lại, nghĩa là tương ba luân, tu sáu độ kia tức là chân như không. Nếu y cứ vào chung giáo, biết pháp tánh không có tham, tu đàn độ kia, tức thuận với đức chân như. Nếu y chỉ như của Đốn giáo thì không thể nói. Nếu y cứ vào Nhất thừa thì sáu Ba-la-mật đều có mười môn, như phẩm Ly thế gian của kinh nói ở dưới.

CHƯƠNG MƯỜI TÁM PHÁP KHÔNG CHUNG

Pháp không chung, nghĩa là thân không có lỗi, miệng không có lỗi, niệm không có lỗi, không có tướng khác, đều là tâm định, đều biết đã bỏ. Dục không giảm, tinh tấn không giảm, niệm không giảm, tuệ không giảm, giải thích không giảm, giải thoát tri kiến không giảm. Tất cả thân nghiệp thuận theo hạnh trí tuệ, tất cả khẩu nghiệp thuận theo

hạnh trí tuệ, tất cả ý nghiệp thuận theo hạnh trí tuệ. Trí tuệ biết đời quá khứ không có ngăn ngại, trí tuệ biết đời vị lai không có trở ngại, trí tuệ biết đời hiện tại không có trở ngại. Mười tám pháp này vì khác với nhân nên gọi là không chung. Lại, mười tám này gọi riêng Tiểu thừa không hiểu ý, như tạp tâm cho rằng mười lực, bốn vô úy, đại bi, ba niệm xứ là mười tám không chung.

Hỏi: Theo một trăm bốn mươi pháp không chung, danh số đồng với Tiểu thừa vẫn muốn làm sáng tỏ nghĩa văn của Tiểu thừa kia, vì khác với Đại thừa. Trong văn tạo ra sự khác nhau mà nói. Nếu là nghĩa Nhất thừa tức như trong nghĩa không chung của phẩm Pháp không tư duy nghị luận của kinh ở dưới.

CHƯƠNG BỐN VÔ ÚY :

Bốn vô úy:

1. Nhất thiết trí vô úy.
2. Lậu tận vô úy.
3. Chướng đạo vô úy.
4. Tận khổ đạo vô úy.

Vì đáp lời hỏi không khiếm sợ nên gọi là vô úy. Nghĩa ba thừa này chung với Tiểu thừa, chỉ nghĩa sâu, cạn khác nhau. Nghĩa Nhất thừa vô úy đủ mười thứ kia tức pháp vô tận, như phẩm Pháp bất tư nghị ở dưới sẽ nói.

ĐẦU TIÊN, LẬP CHƯƠNG PHÁT TÂM BỒ ĐỀ, PHẨM HIỆN THỦ

Tâm Bồ-đề, tiếng Phạm là Bồ-đề, Hán dịch là đạo quả. Vì quả đức viên thông nên nói là Bồ-đề. Đối với đại Bồ-đề khởi ý cầu hương về, gọi là phát tâm Bồ-đề. Tuy nhiên sự phát tâm này kinh cũng gọi là nguyện, chủ yếu là đại Bồ-đề, vì khiến cho đến tương lai thuộc về mình nên gọi là Nguyện.

Thể tánh, tùy thuộc vào nghĩa khác nhau, lược có ba thứ:

1. Tướng phát.
2. Nói dứt tướng phát.
3. Chân phát.

Nói tướng phát: Thấy sâu lỗi sinh tử, phước lợi Niết-bàn, ruộng bỏ sinh tử, thu hương Niết-bàn. Thuận theo tướng, phát tâm chán cầu danh tướng.

Nói dứt tướng phát: Tổ ngộ sâu sắc bình đẳng, biết bản tánh sinh

tử kia vắng lặng, Niết-bàn cũng vậy. Vì sinh tử vắng lặng nên không có tướng nào đáng chán, vì Niết-bàn như nên không có tướng nào đáng mong cầu, quay lưng lại với tướng trước, trở về với đạo chánh như, nên gọi là Phát, vì nhận lấy tướng thì trái với chân, nên khiến bỏ tướng, vì phát. Cũng có thể là bỏ tướng, tâm bình đẳng mới bắt đầu khởi, gọi là phát, nên kinh nói: “Diệt các phát, không phát, là phát tâm Bồ-đề”.

Nói diệt phát là diệt các tướng, nói diệt không phát là không khởi tướng phát, là phát tâm, tương ứng với vô tướng, gọi là Phát.

Nói chân phát là chân tánh Bồ-đề, xưa nay thể của mình, bị vọng tưởng che lấp, nên tồn tại mà không hiểu biết, gọi là sinh tử, về sau dứt bỏ tâm vọng, kế hợp cùng cực cái thật của mình, do đến với thể của mình vì biết tánh Bồ-đề là thể của mình, nên bỏ cái khác kia để cầu thật tướng hiện tiền, nên gọi là phát tâm, cũng có thể chân chứng trí khởi, gọi là phát tâm. Phát tâm có sáu môn:

1. Phát tâm tín, gọi là tâm mãn Mười tín.
2. Phát tâm vị, nghĩa là tâm Mười giải.
3. Phát tâm hạnh, nghĩa tâm Mười hạnh.
4. Phát tâm phương tiện, nghĩa là tâm Mười hồi hướng.
5. Phát tâm chứng, nghĩa là tâm Sơ địa trở lên.
6. Phát tâm Bồ-đề rốt ráo, gọi là thành Phật.

Sự phân chia xếp đặt này là nghĩa của Ba thừa. Tiểu thừa phân chia có, Nhất thừa cuối cùng có mười thứ phát tâm như phẩm ly thế gian nói: “vì làm lộ rõ vô tận nên phát tâm kia có hai trăm mười tám câu kinh, như trong Hạ Di-lặc thiện tri thức nói.

CHƯƠNG BA THỨ PHẬT TÁNH

Phật tánh là thầy của chư Phật, gọi là Pháp. Tánh bình đẳng, cũng như hư không. Đối với các phàm, Thánh không bị giới hạn, ngăn ngại, gọi là Phật tánh. Đã không có chướng ngại, hạn chế, vì sao nói nghiêng lệch là Phật tánh? Phật tánh: Y cứ vào khi giác ngộ mà nói. Sở dĩ biết có Phật tánh là vì thuận theo chỗ lưu trôi lăn của Phật tánh thành các thứ giai vị. Pháp thân trôi lăn năm đường, gọi là chúng sinh. Y cứ vào nhân duyên này không gọi là Phật tánh.

Nay đối với Thanh văn, người thuần thực nói có Phật tánh kia. Vì người Thanh văn trước hết hướng đến Vô dư, không cầu thành Phật. Thanh văn hồi tâm đều có thể làm Phật, nên nói Phật tánh.

Giáo khởi như đây lược nói Phật tánh có ba thứ:

1. Tự tánh trụ Phật tánh.

2. Dẫn xuất Phật tánh.
3. Phật tánh chí đắc quả.

Tự tánh trụ Phật tánh tức là bản tánh, dẫn xuất Phật tánh tức tánh do tu đắc. Tánh đến được quả, tu nhân đầy đủ, gọi là đến được quả. Lại, tự tánh trụ tánh tức là bản tánh. Dẫn xuất Phật tánh, bản tánh dẫn xuất đến được tánh quả. Bản tánh đến quả gọi là đến được quả. Lại, Phật tánh có mười thứ, có nói trong phần hỏi đáp.

Hỏi: Như Lai tạng tánh cũng nói bản tánh. Vì sao Như Lai tạng tánh không y cứ vào vị để nói về tướng khác nhau. Môn nghĩa Phật tánh tức y cứ vào vị địa để nói về sự tối, sáng kia?

Đáp: Sự khác nhau của Như Lai tạng vì tiến thẳng Bồ-tát để nói nên không y cứ vào vị để nói về nghĩa Phật tánh khác nhau kia. Vì Thanh văn thành thực nói, Thanh văn thấy tăng. Nay vì thuận với kiến Thanh văn nên nói khác nhau.

Nghĩa Phật tánh là tối thượng với nghĩa Ba thừa, nói đủ về sai biệt, rộng ở trong sao. Nếu vì Nhất thừa đã gọi, tức nhập Nhất thừa thuộc Viên giáo, nghĩa khác có thể biết.

CHƯƠNG TÁM THỨ ÂM THANH PHẠM

Âm thanh Phạm có hai thứ:

1. Y cứ vào nghĩa giáo để nói về âm thanh.
2. Y cứ vào đức Phật để nói về âm thanh.

Y cứ vào nghĩa giáo, như kinh Thập Trụ chép: “Như Lai có tám thứ âm thanh:

1. Kiến khổ.
2. Hương đến nổi khổ.
3. Kiến tập.
4. Hương đến tập.
5. Kiến tận.
6. Hương đến tận.
7. Kiến đạo.
8. Hương đến đạo.

Ở đây y cứ vào giáo để hiểu, gọi là tiếng.

Y cứ vào Đức Phật để nói về nghĩa âm thanh, âm là tiếng vang, thanh là vì đối căn, nói về chất.

Hai không đồng âm có tám thứ, như kinh Thập Trụ chép: “Cái gọi là âm Phạm:

1. Âm không là nam.

2. Âm không là nữ.
3. Âm không mạnh mẽ.
4. Âm không mềm mỏng.
5. Âm không trong trẻo.
6. Âm không vẫn đục.
7. Âm không là trống.
8. Âm không là mái.

Lại có tám âm như trong số đã giải thích.

Tám âm này thích đáng với nghĩa Ba thừa, Tiểu thừa danh đồng mà nghĩa không đồng. Nghĩa không có riêng, Tiểu thừa thì hữu Sơ giáo tức không. Âm thanh của Nhất thừa bằng với pháp giới, không thể tính kể, so lường, đồng với cõi Vi tế của Nhân-đà-la. Vì sao? Vì thuận theo các chúng sinh đáng nên điều phục nói lên thuyết như thế”.

CHƯƠNG CHỨNG TÁNH ĐẦU CỦA PHẦN GỐC TRONG PHẨM THẬP TRỤ HỘI THỨ BA

Tiếp theo tương đương với tâm Thập tín, sau thành nghĩa chứng tánh của Phật Nhất thừa. Nghĩa là tánh chứng tánh, tập chứng tánh. Tánh chứng tánh nghĩa là nói theo bản tánh. Tập chứng tánh là nói theo sự tu tập, cũng có giải: Tánh chứng tánh là tánh bản hữu. Tập chứng tánh là tánh tu sinh, đây không phải là đối tượng ưa thích của pháp Phật. Vì sao? Vì nói về chứng tánh, thuận theo môn nhân duyên nói há chấp nhận không đối với nhân duyên mà nói chứng tánh, nên tánh chứng tánh không được làm bản hữu. Lại, tập chứng tánh không được tu sinh. Vì sao? Vì nếu ngoài pháp tánh có tu sinh, thì duyên khởi sẽ tăng, cho nên không được nói tu sinh. Nếu nghĩa chứng tánh là nhân của Phật kia, nghĩa ấy rộng lớn, không thể nghiêng lệch ở giải, không thể nghiêng lệch ở hạnh, không thể nghiêng lệch ở vị, không thể nghiêng lệch ở tỷ hướng, không thể nghiêng lệch ở chứng, không thể nghiêng lệch ở nhân quả, không thể nghiêng lệch bản hữu, vì tu sinh. Nay, lập hai thứ tánh tập: Nói chung, tánh chứng tánh, là nói theo bản tánh, vị ở chứng tử. Tập chứng tánh là nói theo tu sinh, về nghĩa tức rộng lớn. Đây là dựa vào văn của Địa trì. Nếu theo kinh Anh Lạc thì có sáu thứ tánh:

1. Tập chứng tánh.
2. Tánh chứng tánh.
3. Đạo chứng tánh.
4. Thánh chứng tánh.
5. Đăng giác tánh.

6. Diệu giác tánh.

Ở đây là nói theo vị, về nghĩa tức là chung. Nếu muốn xuất thể thì dùng bản hữu, tu sinh, duyên khởi phước tuệ, môn định, tuệ làm thể. Đây là thuận với ba thừa, là nghĩa Biệt giáo của Nhất thừa. Nghĩa là sáu quyết định và trụ mười tướng, tức thuận với nguyện hạnh Phổ Hiền, như bài kệ trong phẩm phát tâm công đức có nói rộng.

CHƯƠNG THẬP TRỤ

Nghĩa Thập trụ, thập là số, trụ là bất thối, tức vị thành, trụ, cũng gọi là Thập giải:

1. Trụ phát tâm.
2. Trụ trì địa.
3. Trụ Tu hành.
4. Trụ Sinh tôn quý.
5. Trụ Đầy đủ phương tiện.
6. Trụ Chánh tâm.
7. Trụ Bất thối.
8. Trụ Đồng chân.
9. Trụ Pháp Vương tử.
10. Trụ Quán đảnh.

Vì Bất động nên gọi là Trụ.

Thể là dùng vô lượng phương tiện tam-muội làm thể. Đây là thuận với Chung giáo Ba thừa, để nói vốn tức là Nhất thừa. Sơ giáo thì không có định, Tiểu thừa ngu pháp và hồi tâm, tức không nói Thập trụ, nên có thể so sánh mà biết.

CHƯƠNG ĐẦU NÓI VỀ QUÁN CHUNG TRONG PHẨM PHẠM HẠNH

Quán chung, vì chế phục chung các hoặc, diệt chung hạt giống hoặc, tu chung các hạnh, quán chung các lý, nên gọi là quán chung, tức là một vô phân biệt trí định. Quán này y cứ thành ly ngôn nói tướng, không thể nói nghĩa, môn của thể tướng kia bất đồng, chỉ là tam muội Nhất hạnh.

Y cứ vào đối tượng nhất định kia cũng được đồng với nghĩa giáo tức khắc. Nếu y cứ vào phương tiện thì thuận với tâm tư, kể cả ý ngôn của Duy thức như thật. Đây là thuận với Ba thừa. Nếu vì được gọi Nhất thừa thì thuộc về Nhất thừa, nếu hồi hướng Nhất thừa thì biết là phương tiện Nhất thừa cũng nhập Nhất thừa. Sơ giáo cũng có môn này, chỉ tạo

ra thuyết tức không, nên có thể so sánh mà biết. Nay, vì nghĩa quán chung nên lược rút ra lý thuyết của các nhà không đồng nhất.

Có thuyết nói: Thật tánh thuận với vô phân biệt, dứt tướng, thích ứng với sự vắng lặng, tức là trụ chánh nghĩa, không còn tiến tới gọi là Phật.

Như trên đã nói tâm người tu hành kia thuận với tập đã lâu thì Phật cho đến vô lượng kiếp. Biện luận về pháp tánh kia, tất cả đều như, do gốc thành tất cả pháp, không phải đối tượng duyên của tướng trí mà được pháp tánh. Như pháp tánh kia không hai, không có riêng, tất cả đều không, là bản tánh của pháp tánh, vô minh phiền não, v.v... tức như đã thành.

Vô minh là gì?

Nghĩa là chân như. Vì sao? Vì chân như thành vô minh. Nếu không có chân như thì sẽ không có vô minh, nên luận Khởi Tín chép: “Từ vô minh tất cả các pháp đều là tâm của chúng sinh, Ma-ha-diễn là tướng dụng sinh diệt trong thể chân như”.

Nếu có thể là nghĩa này thì sẽ được thuận theo nhập môn chân như, đối tượng mà Nhất thừa gọi, cũng nhập Nhất thừa. Đối với chánh quán ở trước, nêu sự tương tự của môn chân như để nói về chánh chân như.

Theo luận Bảo Tánh, Bồ-tát mới phát ý trong tâm tu hành thì trở thành ý không loạn. Lược có ba thứ:

Một là lìa không Như Lai tạng, do mất vật biến đổi, hư hoại, tu hành, gọi là môn không giải thoát, khởi tâm như thế, thật sự có vật đoạn, hoại. Về sau sẽ được Niết-bàn là ý tán loạn thứ nhất.

Hai là có người lấy không làm hữu, nghĩa vật lẽ ra phải được, không là ý tán loạn thứ hai.

Ba là sinh là tâm, lìa pháp sắc, lại có không riêng, ta tu hành vì được không, là người tu hạnh quán của ý tán loạn thứ ba, nên so sánh quyết định lựa chọn.

CHƯƠNG BỐN Y NHƯ THƯỜNG KHẮT THỰC V.V...

Bốn y:

1. Người ngồi dưới gốc cây.
2. Thường xuyên khát thực.
3. Mặc áo phấn tảo.
4. Thuốc trần khí.

Trần khí có hai:

Một là: Dùng nhân làm trần khí.

Hai là: Dùng thuốc trần khí cách đêm là trần khí.

Hỏi: Y này có gì khác với pháp đầu đà?

Đáp: Công dụng đều khác: Đầu-đà y cứ lìa phi. Bốn y nương tựa thành hạnh đầu đà, có không đồng này, đây là thuận với ba thừa và Tiểu thừa ngu pháp. Như hạnh từ trước nay, thì thuận với giáo Ba thừa. Tâm duyên sự trang sức tốt, tức là tướng tự, chẳng phải hạnh chân thật. Sơ giáo của Đại thừa tiến thẳng hành giả. Việc thiện trong ác, người khác đã bỏ từ lâu, nay tu ăn. Lại biết tiếc không, nghĩa ác của tướng riêng không ở lời nói. Người hồi tâm ban đầu dựa vào sự tướng của bốn y trước, biết pháp tức không, gọi là bốn y. Bốn y của Chung giáo tức như của hành tướng, không có đối tượng để được, là đối tượng nương tựa của người hồi tâm, chẳng phải cho rằng có vật đáng nương, đó gọi là bốn y.

Nghĩa Nhất thừa dùng các nghĩa trước để làm phương tiện lại là mục tiêu của giáo Nhất thừa, tức là Nhất thừa.

CHƯƠNG MƯỜI HAI ĐẦU ĐÀ:

Đầu-đà: Là phủi dũ trừ sạch phiền não.

1. Tạo tác A-lan-nhã.
2. Thường khát thực.
3. Y nạp.
4. Ngồi ăn một bữa giữa ngày.
5. Ăn tiết lượng.
6. Sau giữa ngày, không uống nước.
7. Ở trong gò mả.
8. Ở dưới gốc cây.
9. Ngồi ở chỗ đất trống.
10. Thường ngồi, không nằm.
11. Khất thực theo thứ lớp.
12. Chỉ có ba y.

Pháp đầu đà này không gọi là giới hạnh, tức giới trang nghiêm trí lực, bất cập không thực hành không phạm.

Phân chia xếp đặt giới hạn của đầu-đà: Từ rằm tháng giêng đến rằm tháng ba, rằm tháng tám đến rằm tháng mười. Cần thực hành đầy đủ hạnh đầu-đà trong hai thời gian trên, chương cu đầu đà, tà chánh giống nhau và thuận với nghĩa của Ba thừa, Nhất thừa, như pháp bốn y trên.

CHƯƠNG THỌ GIỚI NGHIỆP LUẬT NGHI THIÊN

Lược Tỳ-ni đại tạng phân tích có hai:

1. Chủng loại nghịch thuận khác nhau.
2. Thuận theo thọ duyên riêng.

Chủng loại đầu tiên khác nhau, nghĩa là mười, mười không đồng như kinh Hoa Nghiêm chép.

Thuận theo thọ duyên riêng có ba:

1. Chế giới của người tại gia, nghĩa là năm giới, tám giới.
2. Chế giới của người xuất gia, gọi là giới mà năm chúng vâng giữ.

Hai giới đồng với Tiểu thừa.

3. Giới chung cho đạo, tục: ba tụ giới, v.v...

Vì sao? Vì đồng làm phương tiện cho Bồ-đề. Lại, chung cho năm thừa, không chung cho năm thừa, giới Bồ-tát không chung cho năm thừa nên có thể so sánh.

Giới của năm chúng xuất gia vâng giữ. Dùng nghiệp thiện tác, vô tác làm thể của giới, cũng gọi là biểu, vô biểu. Tác có hai thứ:

1. Thọ tác.
2. Tùy tác.

Trong hai tác này đều có ba thứ:

1. Tự làm.
2. Bảo người khác làm.
3. Thấy, nghe làm theo việc lành.

Đều chung cho ba nghiệp.

Vô tác có ba thứ:

1. Tác này đều có với vô tác.
2. Hình đều có vô tác.
3. Thuận theo dùng vô tác tức khi tùy duyên gìn giữ mà phát ra vô tác.

Vô tác này có hai nghĩa:

1. Tự thuận theo tác để phát ra vô tác.
2. Đụng chạm đến ba nghiệp của người khác, trở thành vô tác của mình. Tức bảo người khác làm, người khác làm phát ra vô tác thuộc về mình, là sự tạo tác của thân, miệng. Vì không thể thấy sắc có đối làm thể. Tác động của địa ý lấy tâm làm thể, vô tác của thân, miệng lấy không thể thấy sắc vô đối làm thể, vô tác của địa ý dùng phi sắc, phi tâm làm thể.

Vì sao biết?

Vì kinh Niết-bàn nói: “Vô tác dùng phi sắc, phi tâm làm thể. Đây là y cứ vào giới biệt giải thoát, vì nói. Nếu y cứ vào vô tác của đạo định, thì vô tác của thân, miệng sẽ trở lại dùng “sắc không có đối không thể thấy” làm thể. Tác, vô tác này đều y cứ vào hiện hành. Vì sao? Vì có thể tác pháp xả, vì hạnh nghiệp tức không, vì chung giáo tức như. Giáo Nhất thừa vì thích ứng với hạnh sâu kín của Nhân-đà-la. Tiểu thừa không có địa ý giữ giới.

Nếu vậy thì vì sao hỏi ông tâm nào?

Đáp: Đây là y cứ vào tâm tương ứng, chẳng phải tâm bất tương ứng. Lại, hồi hướng Bồ-đề gọi là giữ giới, không hồi hướng Bồ-đề gọi là không giữ giới. Hồi hướng Thanh văn gọi là pháp giới, phân biệt, vô phân biệt, v.v... so sánh như vậy. Pháp khác đều y cứ theo đây, tâm tương ứng duyên đủ ít nhiều, v.v... có nói rộng trong chương riêng.

CHƯƠNG NĂM THỨ VẤN ĐỤC

Năm vấn đục là:

1. Mạng vấn đục.
2. Chúng sinh vấn đục.
3. Phiền não vấn đục.
4. Kiến vấn đục.
5. Kiếp vấn đục.

Vấn đục, nghĩa là không trong. Một trăm tuổi trở xuống là mạng vấn đục. Không nhận thức cho quý, thấp hèn, không kính trên, dặt dấn dưới, gọi là chúng sinh vấn đục. Thêm tham phi pháp, dao, gươm, đồ đựng, gậy gộc, tranh tụng, đấu tranh, quấy rối, nịnh bợ, lừa dối, nói dối, thâm nhận pháp tà, v.v... gọi là phiền não vấn đục. Dẫn khởi tà kiến, phá diệt Phật pháp, tà pháp càng thêm, đó gọi là kiến vấn đục. Kiếp đói khát, khởi bệnh tật, đao binh, đó gọi là kiếp vấn đục.

Theo văn kinh, luận, nếu đối với chúng sinh khởi một niệm tâm từ như thật, cho một đoàn thực và một viên thuốc, thì liền được không sinh.

Trong năm kiếp vấn đục, kiến vấn đục này ở Tiểu thừa, Sơ giáo tức không, Chung giáo tức như, Nhất thừa tức pháp giới, nên có thể chuẩn y.

CHƯƠNG NĂM GIỚI ĐÀU, TRONG PHẨM PHÁT TÂM CÔNG ĐỨC

Năm giới là:

1. Giới không sát sinh.
2. Giới không trộm cắp.
3. Giới không tà dâm.
4. Giới không nói dối.
5. Giới không uống rượu.

Giới ấy cũng được xếp vào giới thọ suốt đời. Bốn giới đầu là giới tánh, không uống rượu là giới giá.

Kinh Ưu-Bà-tắc Giới nói: “Ăn thịt, phạm tội sát sinh. Vì sao? Vì ưa vị thịt, thấy người khác sát sinh, thì bằng lòng, giới kia là ba thừa, cũng chung cho Tiểu thừa và các trời, người”. Kinh nói: “Nếu muốn sinh lên cõi trời thì phải thọ giữ năm giới, giữ vững mười điều lành. Trông thấy bức họa mẫu người nữ trên vách, không sinh tưởng con gái, người ấy sẽ sinh lên cõi trời. Vì thân trời thọ hóa sinh, cũng chung cho nghĩa Nhất thừa, vì được gọi Nhất thừa, vì hồi hướng Nhất thừa là phương tiện”.

Hỏi: Vì sao chỉ cho giới uống rượu là giới giá?

Đáp: Vì lỗi rượu to lớn, vì y cứ rượu, chế giới nghiêng lệch, nên

Đại luận nói: “Rượu có ba mươi lăm lỗi:

1. Cửa, vật hiện đời hư hao, cạn kiệt.
2. Cửa vào của mọi chứng bệnh.
3. Nguồn gốc đấu tranh.
4. Lỏa lồ không biết xấu hổ.
5. Tên xấu, tiếng ác, mọi người đều không kính nể.
6. Che mất trí tuệ.
7. Vật đáng lẽ được mà không được, vật đã được rồi thì tiêu tan mất.
8. Việc đáng giấu giếm đều nói cho người biết.
9. Mọi thứ sự nghiệp đều bỏ dở, không thành xong.
10. Say rượu là gốc của buồn rầu.
11. Sức thân chuyển biến ít.
12. Sắc thân hư hoại.
13. Không biết kính cha.
14. Không biết kính mẹ.
15. Không kính trọng Sa-môn.
16. Không kính Bà-la-môn.
17. Không kính chú bác, tôn trưởng.
18. Không tôn kính Phật.
19. Không kính pháp.
20. Không kính tăng.

21. Bận, bề toàn là người hung ác.
22. Xa bậc hiền thiện.
23. Làm kẻ phá giới.
24. Không biết hổ, không biết thẹn.
25. Không giữ sáu căn.
26. Mặc tình buông lung đối với sắc.
27. Bị người ghét, không muốn thấy mặt.
28. Bị tri thức cao sang, thân thuộc xua đuổi.
29. Thực hành pháp bất thiện.
30. Bỏ bệ pháp lành.
31. Người trí không tin dùng.
32. Xa lìa Niết-bàn.
33. Gieo trồng nhân duyên điên khùng ngu si.
34. Thân hư hoại, chết đi, đọa vào đường ác.
35. Nếu sinh làm người thường phải điên loạn vì chế giới nghiêng lệch này.

CHƯƠNG TÁM GIỚI

Tám giới: là Giới mà người tại gia thọ một ngày một đêm:

1. Không sát sinh.
2. Không trộm cắp.
3. Không dâm.
4. Không nói dối.
5. Không uống rượu.
6. Không ngồi giường cao rộng lớn.
7. Không mang hoa thơm, chuỗi anh lạc, không thoa hương vào mình và không xông, ướp mùi hương vào áo.
8. Không trối kỹ nhạc, không đi xem, nghe và không ăn quá giữa Ngọ.

Bốn giới trước trong tám giới này là phần giới, một giới tiếp theo là phần không buông lung, ba giới sau thuận với phần tu. Nghĩa này ở ba thừa và Tiểu thừa hàng trời, người cũng chung cho Nhất thừa.

Do đó, tên gọi Nhất thừa và hồi hướng Nhất thừa, vì thành phương tiện, nghĩa khác có nói trong chương riêng.

CHƯƠNG BỐN QUẢ

1. Quả Dự lưu, cũng gọi là Tu-đà-hoàn.
2. Quả Nhất lai, cũng gọi là Tư-đà-hàm.

3. Quả Bất hoàn, cũng gọi là A-na-hàm.

4. Quả A-la-hán.

Nghĩa này phát ra quán, chế bốn quả, Tiểu thừa ngu pháp, bốn người chế chung. Sơ giáo Đại thừa cũng chung cho nghĩa trên, cũng có không chung. Vì sao? Vì dựa vào vị địa để chế quả, nên một người thì thành. Nếu ở Chung giáo thì chỉ một người thành. Vì sao? Vì y cứ pháp môn kia thành nghĩa bốn quả. Nếu đối với trên Nhất thừa thành bốn quả thì đều nhập Nhất thừa. Vì sao? Vì tên gọi Nhất thừa kia là rộng lớn, do cõi Nhân-đà-la Vi tế mà thành.

CHƯƠNG SÁU MƯƠI HAI KIẾN

Sáu mươi hai kiến: Không biết sắc ấm khởi mười hai kiến, nghĩa là thường, vô thường, vừa thường vừa vô thường, phi thường phi vô thường; hữu biên, vô biên, vừa hữu biên vừa vô biên, phi hữu biên, phi vô biên. Sau khi Như Lai diệt độ, như khứ, bất như khứ, vừa như khứ vừa không như khứ, chẳng phải như khứ, chẳng phải không như khứ.

Ngã thô với ấm là một. Ấm diệt, ngã cũng diệt là nghĩa vô thường. Ngã tế với ấm là khác, ấm diệt ngã không diệt là nghĩa thường, nghĩa khác so sánh mà biết.

Ngã thô với ấm là một, vì thuộc về ấm diệt, nên không là như, khi đến đi tế. Ngã khác với ấm. Khi ấm diệt, trở lại như lúc đến đi.

Một ấm có mười hai, năm ấm thành sáu mươi, thêm căn bản đoạn, thường, thành sáu mươi hai. Nếu y cứ vào Tiểu thừa thì tức là sử phiến não. Nếu y cứ vào sơ giáo thì kiến nghĩa tức không, nếu y cứ vào Chung giáo thì tức như, tức thật. Vì sao? Vì không có đối tượng nào để diệt. Nếu y cứ ở Nhất thừa thì sẽ không nói tự thể, chỉ biện luận về rất nhiều nghĩa đối tượng của dụng, dụng của chủ thể mê cũng lớn. Lại, gồm thâm nghĩa Tiểu của Ba thừa trước, tức là đối với Nhất thừa. Vì sao? Vì đã được gọi là giáo Nhất thừa.

Nghĩa cái là che lấp, chướng ngại tâm hạnh gọi là Cái. Cái có năm thứ:

1. Tham dục.
2. Giận dữ.
3. Thùy miên.
4. Trạo hối.
5. Nghi.

Cái có bốn nghĩa:

1. Nghĩa chướng ngại vì làm chướng ngại bầy hoa giác.

2. Nghĩa phá hoại, làm phá đời và đạo xuất thế.
3. Nghĩa tùy.
4. Nghĩa nằm, vì ngủ lâu dài trong sinh tử.

Hai thứ đầu là nghĩa chánh cái, ba thứ sau, phụ giúp giải thích. Lại, năm cái hiện tại vừa cái vừa phú, năm cái kế, lại là cái không phải phú, trở ngoại đạo gọi cái, vì không chướng ngại hiện khởi, nên không gọi phú.

Hỏi: Các pháp phiền não, Bồ-tát dùng phiền não của chúng sinh làm phiền não của mình, phiền não của mình làm phiền não của chúng sinh, nghĩa này ra sao?

Đáp: Nếu Tiểu thừa và Sơ giáo thì sẽ không được hồi chuyển. Nếu là Chung giáo thì bắt đầu, sau cùng. Mặc dù về lý là chánh, dùng lý tự tại, vẫn đối với sự giáo không được tự tại, vì sự giáo không đủ nên y cứ trong tông Viên giáo, thì được chuyển lẫn nhau, do được sự lý tự tại, đầy đủ. Pháp khác có thể so sánh mà biết.

CHƯƠNG NGHĨA MƯỜI TRIỀN:

Mười triền là vô tâm, vô quý, thù miên, hối, san, tật, trạo, hôn, phần, phú.

Nghĩa mười thứ này phần nhiều tập thành lỗi, như sợi tơ ràng buộc ngựa, vì nhiều nên thành lỗi, gọi là triền. Nếu theo Tiểu thừa thì nghĩa triền thành nghĩa lỗi. Nếu theo sơ giáo của Đại thừa thì nghĩa triền là không, nên kinh Duy-ma chép: “Năm thọ ấm thấu suốt, trống rỗng, không có chỗ khởi là nghĩa khổ. Nghĩa triền so sánh có thể biết. Nếu y cứ vào Chung giáo tức là chân như. Vì sao? Vì tất cả pháp đều như. Nếu y cứ vào Nhất thừa thì nghĩa triền không y cứ tự thể, chỉ y cứ vào nghĩa dụng. Nghĩa đối tượng chướng, lỗi triền lớn cũng nặng. Vì pháp tự tại, nên đồng với nghĩa pháp giới, nghĩa khác có nói rộng trong chương riêng.

CHƯƠNG MƯỜI DỤC :

Mười dục, dục có trên, dục không có trên, dục hữu dư, dục vô dư, dục bằng nhau, dục không bằng nhau, dục có đối tượng nương tựa, dục không có đối tượng nương tựa, dục chung, dục không chung, dục hữu biên, dục vô biên, dục thiện, dục bất thiện, dục thế gian, dục xuất thế gian, dục của đại trí, dục tịnh, dục của trí vô ngại, dục giải thoát của Phật, của trí vô ngại, dục thanh tịnh, dục không thanh tịnh, dục rộng, dục hẹp, dục tế, dục thô.

Các dục như thế xếp vào mười thứ dục, cái gọi là dục nhân khổ sinh, dục phương tiện, dục hy vọng, dục vướng mắc vị, dục theo nhân sinh, dục tùy duyên sinh, dục tận, dục tất cả, dục của Bồ-tát mới phát tâm, dục của Ma-ha-tát.

Hỏi: Dục này có thể dứt bỏ chăng?

Đáp: Dục có hai thứ:

1. Dục luống dối, dục này có dứt bỏ.
2. Dục không phải luống dối: dục này không dứt bỏ.

Nay, mười dục này hợp với hạnh Phổ Hiền thì không có dứt, cho đến mười tánh, mười căn, so sánh giống nhau. Nếu trong nghĩa ba thừa, quả trách dục vọng của người ba thừa thì không thừa nhận dục.

Môn nghĩa Nhất thừa nếu không có chiến thắng dục thì sẽ không thích hợp với tất cả đức nên thành lưới dục. Lưới nghĩa là lưới bắt chim, nghĩa giáo vô tận. Do lưới đánh chim dục, mà có kiến lập. Lại, dục vô tận vì thích hợp với Nhân-đà-la, nên đơn cử lưới tương tự để so sánh.

CHƯƠNG NÓI VỀ PHẨM PHÁP ĐẦU TIÊN LẬP NĂM PHÁP QUÁN DỪNG TÂM:

Năm quán:

1. Quán bất tịnh.
2. Quán tâm từ.
3. Quán duyên khởi.
4. Quán niệm an-ban.
5. Quán phân biệt giới.

Người tham nhiều, thì tu quán bất tịnh, người giận nhiều, thì tu quán tâm từ, người nhiều ngu si thì tu quán duyên khởi, kẻ giác quán nhiều, thì tu quán niệm an-ban. Người nhiều ngã kiến, tu quán phương tiện phân biệt giới. Quán này gọi là nghĩa cộng Tiểu thừa, khác với Đại thừa.

Theo sơ giáo Đại thừa có hai thứ dục. Môn quán này nếu hiện hành của phiền não tăng trọng thì tức dựa vào hạnh quán của Tiểu thừa, chế phục dục tham. Nếu hiện hành hoặc phẩm trung, hạ thì y chỉ năm pháp, thành tức quán không. Vì sao? Vì Sơ giáo Đại thừa y cứ nhiều ích làm nghĩa, nên khi lượng ích đến, trở thành dục, thì không nhất định là tướng một quán. Lại có quán khác đối với căn cơ riêng, như kinh giải thích dưới đây.

Nếu y cứ Chung giáo thì tất cả đều như. Nếu y cứ Nhất thừa thì như trên đã nói, là mục đích của Viên giáo và hướng đến Nhất thừa, tức

là phương tiện của Nhất thừa, thuộc về Nhất thừa.

Thuyết minh y chỉ chung năm thừa trong phẩm pháp, quyết định nghĩa phân chia xếp đặt tổn ích về hạnh giải của năm thừa.

Luận, giáo Như Lai khởi ý ở hữu tình, do căn cơ có sâu, cạn nên trở thành hai thứ giáo.

1. Môn giáo tướng riêng.

2. Môn giáo đồng, khác.

Môn giáo tướng riêng, thiện, ác riêng nhau, khiến cho người căn cơ đầu tiên nhập chánh giải không sai lầm, như mười thiện, mười ác, tức là sự của giáo. Về tướng so sánh có thể biết.

Môn giáo đồng khác, trong kinh cũng gọi giáo bí mật, sở dĩ khởi là vì phiền não của chúng sinh, hữu tình rất sâu dầy, trí tà khéo léo sộng động, tính kể, suy lường vô biên. Vì ngăn chặn chứng bệnh này nên suy cho cùng giáo khởi. Về tướng tổn ích của môn giáo, như môn đại trì giới của năm thừa, từ người, trời trở lên, chưa được là tổn, được tức là ích, tiến tới tức là ích, trụ tức là tổn, cho đến các thừa đều y theo đây. Một hạnh như thế thì tất cả hạnh cũng như vậy. Lại vì danh thành hạnh, vì tên thế gian tức tổn hại, vì danh xuất thế gian tức lợi ích, cho đến tất cả giải, hạnh cũng so sánh mà biết. Lại, vì lợi nên trở thành danh. Vì lợi thế gian tức tổn hại, vì lợi xuất thế gian tức lợi ích, cho đến tất cả giải, hạnh cũng so sánh mà biết.

Đại tinh tấn, đại sám hối, đại không có là phi đại, không là mình, là khinh người khác, đại tập tụng, đại giải hạnh, đều so sánh. Lại, sự lý hạnh giải của các thừa, tất cả tổn ích đều là người chưa xuất thế ở thế gian, trở thành môn tổn ích, chẳng phải vì người xuất thế. Nhiếp luận dịch vào đời Lương chép: “Nếu pháp thế gian thì có thể chê bai. Nếu pháp xuất thế gian thì không thể chê bai”.

Hỏi: Đạo pháp của sự tổn ích về lý quá rõ ràng, sao nay lại nói là chê bai, không chê bai?

Đáp: Lý riêng của tướng tổn ích không lẫn lộn nhau, nay vì quyết định sự nghi ngờ trước kia có hai thứ:

1. Vì người tà trí bị tướng che lấp.

2. Vì người chánh trí làm sáng tỏ tướng.

Nay, vì bị tướng che lấp vì quyết định mối nghi ngờ trước kia nên nói chung là chê bai. Lại, y cứ khi Phật xuất thế và vào thời đại sau cuối, quyết định hai tướng thiện, ác của giải hạnh. Việc này cũng không nhất định, vì nếu nói khi Phật còn ở đời việc lành nhiều, thời đại sau cuối việc ác nhiều, điều này cũng có thể như vậy. Lại, y cứ hai căn cơ phẩm

thượng, hạ, quyết định giáo tà, chánh, sự việc này cũng không nhất định. Nếu y cứ vào cập với bất cập thì việc này có thể như thế.

Cập, nghĩa là thành ích, bất cập là thành tổn, cho đến dùng thuận theo phẩm hạ đều có so sánh mà biết, như tổn ích đồng khác trong thiện, ác và vô ký đều có thể so sánh mà biết. Trái lại với y cứ tức là phải.

Từ trước đến nay đã nói y cứ ở giáo đồng của ba thừa để nói. Nếu y cứ vào Biệt giáo của Nhất thừa thì sự tổn ích sẽ vô cùng. Vì sao? Vì nghĩa Nhất thừa đều tùy duyên riêng, vì không y cứ mà nói, nên vô tận. Lại, nghĩa tổn ích là hai việc thiện, ác bao gồm có thiện trong thiện, có bất thiện trong thiện.

Thiện trong thiện, như môn ích trước phải vậy. Bất thiện trong thiện, như môn tổn ở trước.

Ác trong ác, lật lại như trước, đối với bất thiện trái với lý.

Thiện trong ác, phương tiện trở về tiền của ác, trở thành gốc lành.

Hai nghĩa thiện, ác kia tổn ích bình đẳng. Lại, hai môn tổn ích thiện, ác, mâu nhiệm rất sâu. Vì sao? Vì căn cơ nhiễm tịnh của chúng sinh, hữu tình, ham muốn vô cùng tận.

Nay, lược nói, chỉ biện luận về biết, không biết, tránh xa, không tránh xa mà không biết, thì thật là khó.

CHƯƠNG HAI THỨ TRANG NGHIÊM

Trang nghiêm, người của tự nhuận, đức hạnh, gọi là Trang nghiêm, có hai thứ khác nhau:

1. Phước đức.
2. Trí tuệ.

Tự nhuận, gọi là phước, công của tự nhuận gọi là phước đức. Soi lý gọi là trí, quán đạt gọi là tuệ. Nghĩa nghiêm có bốn:

1. Hạnh làm tươi nhuần con người gọi là Trang nghiêm.
2. Làm tươi nhuần tâm gọi là Trang nghiêm.
3. Làm thấm nhuần quả gọi là Trang nghiêm.
4. Trang nghiêm tướng bình đẳng của các hạnh, cũng gọi là luật nghi, cũng gọi là Bồ-đề, cũng gọi hạnh giúp đạo.

Nghĩa này ở Ba thừa; Tiểu thừa không đầy đủ, chỉ nói môn trí, cũng có giúp đỡ phước mãn, trong giáo không khen. Trong giáo Ba thừa vì đem lại lợi ích cho chúng sinh. Khen đủ hai nghiêm, trong giáo Nhất thừa có mười trang nghiêm, như phẩm Ly thế gian trong kinh dưới đây sẽ nói, nghĩa khác có nói rộng trong chương riêng.

CHƯƠNG NGHĨA TAM BẢO

Nghĩa Tam bảo: Tam là số, bảo là nghĩa đáng quý. Giúp cho hành giả xa lìa sinh tử, được Bồ-đề vượt hơn. Đáng quý gọi là bảo. Là nghĩa ba ngôi báu: Phật, Pháp, Tăng. Lược có ba thứ:

1. Tam bảo đồng tướng.
2. Tam bảo biệt tướng.
3. Tam bảo trụ trì.

Tam bảo đồng tướng, nghĩa là đồng một pháp tánh chân như. Có ba nghĩa khác nhau, là nghĩa giáo, nghĩa phép tắc, và nghĩa hòa hợp, nên nói là Tam bảo.

Tam bảo biệt tướng, nghĩa là nghĩa tôn ở trong duyên là Phật, đồng với thân thế gian, một thân, hai thân, ba thân, bốn thân, mười thân, v.v... như đã nói trong phần hỏi đáp. Pháp: nghĩa là lý, giáo, hạnh, quả và giáo nghĩa vô tận, v.v... Tăng, nghĩa là trụ, trì, yết ma, Thanh văn, Bồ-tát Ma-ha-tát v.v...

Tam bảo trụ trì có hai thứ: Một là trụ trì tướng, đó là họa hình Phật trên lụa, điêu khắc v.v... Pháp có hai: Cái gọi là giấy, tờ lụa, ngôn ngữ, âm thanh, v.v... Cái gọi là tăng cạo đầu, mặc cà-sa, vô lậu, v.v... Hai là trụ trì lý, nghĩa là pháp tánh, chân như làm chỗ nương tựa cho phàm, thanh, có hai: Y sinh và y cảnh giới.

Tư chất trì kiến lập gọi là trụ trì lý:

Tam bảo chung cho năm giáo:

1. Tồn tại thế gian.
2. Thanh văn, Duyên giác.
3. Bồ-tát đã học Tiệm giáo.
4. Bồ-tát đã học Đốn giáo.
5. Phổ Hiền Nhất thừa đã học giải, hạnh, thấy, nghe, v.v...

Nghĩa Tam bảo có thể so sánh mà biết.

Tướng Tam bảo Nhất thừa, như kinh ở dưới nói: Lược có mười môn:

1. Bồ-tát Ma-ha-tát giáo hóa chúng sinh phát tâm Bồ-đề, chonên có thể khiến cho Phật bảo không dứt.
2. Khai thị các tạng pháp mầu rất sâu xa, thế nên có năng lực làm cho Pháp bảo không dứt.
3. Thọ trì đầy đủ oai đức giáo pháp, cho nên có năng lực khiến cho Tăng bảo không dứt.
4. Lại nữa đều hay khen ngợi tất cả nguyện vĩ đại, cho nên có năng lực giúp cho Phật bảo không dứt.

5. Phân biệt giải thích mười hai duyên khởi, cho nên có thể khiến cho Pháp bảo không dứt.

6. Thực hành sáu hòa kính nên giúp cho Tăng bảo không dứt.

7. Lại nữa, gieo hạt giống Phật ở ruộng chúng sinh, nảy mầm Chánh giác, thế nên làm cho Phật bảo không dứt.

8. Không tiếc thân mạng nhằm hộ trì Tam bảo, cho nên có năng lực khiến cho Pháp bảo không dứt.

9. Khéo chế ngự đại chúng, tâm không lo buồn, nên giúp cho Tăng bảo không dứt.

10. Chánh pháp mà chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại đã nói, không trái với giáo kia, nên giúp cho Tam bảo không dứt.

Mười Tam bảo này thuộc về giáo Nhất thừa. Vì sao? Vì tướng của mười Tam bảo ở tâm tu hành, chứng đắc, đối chiếu lĩnh vực giáo, trí đều hiện rõ, tức là trụ trì thành lợi ích vĩ đại, sở dĩ nói mười là vì muốn biểu thị rõ vô lượng. Mười Tam bảo này chung cho Nhân đà la và xứ vi tế. Nhị thừa, Tiểu thừa không có tướng này về nghĩa khác, như có nói rõ trong chương riêng.

CHƯƠNG SÁU HÒA KÍNH

Sáu hòa kính, nghĩa là thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp, đồng giới, đồng kiến, đồng học, cũng gọi là đồng lợi; giới, kiến lợi đã đồng, nghiệp thân miệng lại đều đồng, vì không có sai trái, tranh cãi, nên gọi hòa kính. Nghĩa này chung cho Tiểu thừa, ba thừa, Nhất thừa. Nếu Tiểu thừa ngu pháp, y cứ vào sự, nhãn, từ. Nếu Sơ giáo của ba thừa thì y chỉ tức Nhãn từ không. Nếu theo Chung giáo vì biết mình, người đều bình đẳng, như nên khởi nhãn, từ. Theo giáo Nhất thừa thì pháp Ba thừa trên vì là phương tiện, vì là mục đích, nên thuộc về Nhất thừa, nghĩa khác có nói rõ trong chương riêng.

Hỏi: Căn bản nghĩa của ba tạng y cứ vào giáo. Nghĩa của mười tạng chung cho nghĩa giáo, sao lại đem mười tạng đối với ba tạng mà nói?

Đáp: Ba thừa, Tiểu thừa đều nói theo phân chia, xếp đặt của sự. Giáo tức chẳng phải nghĩa, nghĩa Nhất thừa, vì giáo là giáo. Lại nữa, dùng nghĩa làm giáo, trong nghĩa của Ba thừa đã có nghĩa này, hướng chỉ Nhất thừa. Nghĩa này có nói rộng trong chương riêng.

CHƯƠNG SÁU VÔ VI

Sáu vô vi:

1. Hư không.
2. Niết-bàn.
3. Số duyên diệt.
4. Phi số duyên diệt.
5. Mười hai duyên khởi.
6. Pháp giới.

Hỏi: Vì sao vô vi của Nhất thừa lại đồng với số của Ba thừa?

Đáp: Về nghĩa này rất sâu sắc, vì đồng với số mới nói sao cho con người dễ tin. Thuyết của Tiểu thừa, Sơ giáo, Chung giáo và Viên giáo đã nói. Vô vi, không, vô tướng, vô nguyện, vắng lặng, lìa niêm, diệt, không thể nói.

Nghĩa như thế đều khác nhau, vì các thừa đối nhau, cũng sâu, cạn, rộng, hẹp không đều nhau, như sáu vô vi, ba vô vi, ba không, tám không, cho đến mười tám không, v.v... tất cả pháp không tức là vì danh số khác với y cứ, nên cũng không thể hội nhập một, chỉ ở một môn Đốn giáo. Tất cả có, không đều đồng một tướng, cái gọi là Vô tướng, nghĩa khác có nói rộng trong chương riêng.

CHƯƠNG BA CÔI

Ba côi, phân đoạn, y xứ, quả báo của chúng sinh, phân chia xếp đặt có ba, từ ngục A-tỳ đến trời Tha Hóa, nam, nữ cư trú lẫn lộn, vì đa số là các dục nhiễm nên nói là côi Dục. Từ Phạm thiên Sơ thiên đến trời A-ca-ni-tra, đều không có hình nữ, cũng không có nhiễm dục, cung điện cao lớn, vì do sắc hóa sinh, nên gọi là côi Sắc. Từ vô biên không xứ đến trời Phi tướng, phi phi tướng, chỉ có bốn tâm, vì không có sắc, hình chất nên gọi côi Vô Sắc. Đối với ba côi này phàm, Thánh, thô tế, mộc, lặn khác nhau, có bốn thứ:

1. Ba côi phân đoạn của nghiệp trói buộc.
2. Ba côi phân đoạn của nghiệp không trói buộc.
3. Ba côi tập biến dịch của thế gian.
4. Không bỏ ba côi biến dịch của thế gian.

Hỏi: Biến dịch và không bỏ thế gian đồng với pháp không có trôi lăn thì nhân đâu ở trong ba côi?

Đáp: Thân biến dịch vì từ bi nên ở thế gian, như kinh Niết-bàn nói: Thường, lạc, ngã, tịnh hay dùng đại bi vì trở lại vào thế gian nên ở ba côi.

CHƯƠNG BỐN BIỆN

Vô ngại biện, đó là Pháp vô ngại, nghĩa vô ngại, từ vô ngại, và nhạo thuyết vô ngại.

Trí danh tự, gọi là pháp vô ngại; Trí biết nghĩa, gọi là nghĩa vô ngại; Ngôn âm biện minh lược, gọi là từ vô ngại, khiến người khác ưa nói vô ngại, vì thông suốt không có ngăn ngại, nên gọi là vô ngại, dùng trí hậu đắc làm thể.

Nếu y cứ Tiểu thừa thì bốn vô ngại biện là tuệ thật của họ. Sơ giáo của Đại thừa, tuệ ấy tức không. Nếu đến Chung giáo thì tuệ kia tức như. Nếu đến Viên giáo tức bốn mươi vô ngại, như trong địa thứ chín của kinh ở dưới nói: Bốn trí vô ngại y cứ mười thứ khác nhau:

1. Y chỉ tự tướng.
2. Y cứ vào tướng đồng.
3. Y cứ vào hành tướng.
4. Y cứ vào tướng thuyết.
5. Y cứ vào tướng trí.
6. Y cứ vào tướng ngạo mạn không có ngã.
7. Y cứ vào tướng Tiểu thừa, Đại thừa.
8. Y cứ vào tướng địa Bồ-tát.
9. Y cứ vào tướng địa Như Lai.
10. Y chỉ tướng làm trụ trì.

Năm tướng sau là tướng tịnh. Đây là y cứ vào giáo để biện luận. Nếu y cứ vào thật đức, thì biện vô tận trong môn Phổ Hiền, nghĩa khác có nói rõ trong chương riêng.

CHƯƠNG ĐẠO PHẨM

Đạo phẩm có ba:

1. Phẩm đạo của Tiểu thừa, hồi tâm cũng đồng.
2. Tiến thẳng phẩm đạo, nghĩa là chỉ có sáu Ba-la-mật.
3. Đạo phẩm Nhất thừa, nghĩa là đạo phẩm vô tận.

CHƯƠNG BIỂN PHÁP NHẤT THỪA

Kinh nói: Đều được biển pháp mà tất cả chư Phật ba đời đã nói. (Giải thích: Pháp, đáng làm phép tắc, chủ nghĩa của giáo chung này). Đối với mỗi một pháp sinh (Giải thích: Nghĩa là xuất sinh, lập nghĩa pháp tông). Mỗi pháp phương tiện (Giải thích: Nghĩa là phương tiện dẫn chứng dụ hợp pháp). Mỗi pháp ngôn ngữ (Giải thích: Nghĩa là thuận theo giáo pháp của âm phương ngôn). Mỗi pháp thi thiết (Giải thích:

Nghĩa là tên thí ở pháp nghĩa). Mỗi giáo pháp (Giải thích: Nghĩa là thành phép tắc giáo). Mỗi thuyết pháp (Giải thích: Nghĩa là trao cho người khác, phép tắc ngôn thuyết). Mỗi pháp nhập (Giải thích: Nghĩa là các hạnh, giải, trí hay nhập). Mỗi pháp quyết định (Giải thích: Tương ứng của nghĩa giáo, giải thích rộng quyết trạch). Mỗi pháp trụ (Giải thích: Tông nghĩa rốt ráo thành thuyết an lập).

Lại có mười câu pháp Phật. Lại nữa, có mười thứ nói pháp. Lại nữa, có mười thứ thuyết. Ba đời lại có mười thứ thuyết. Tâm Phổ Hiền lại có mười thứ thuyết. Pháp hạnh nguyện của Phổ Hiền đều là giáo riêng. Môn Nhất thừa như phẩm Là thế gian giảng nói rộng. Lại nữa, có pháp danh tự của Ba thừa, như Nhiếp Luận nói: Pháp, nhân và tánh, lược và rộng, gọi là cảnh sai biệt của mười danh bất tịnh, tịnh rốt ráo.

Giải thích: Danh có mười thứ là cảnh giới của Bồ-tát. Mười thứ là:

1. Danh pháp, nghĩa là sắc, thọ v.v..., mắt, tai v.v...
2. Danh nhân, hạnh tín, hạnh pháp, v.v...
3. Danh pháp, Tu-đa-la, Kỳ-dạ, v.v...
4. Danh nghĩa, mười hai bộ kinh được sáng tỏ do các danh, nghĩa.
5. Danh tánh, không có nghĩa, văn tự.
6. Danh sơ lược, tên chung của chúng sinh.
7. Tên rộng, mỗi chúng sinh đều có tên riêng.
8. Tên bất tịnh, phàm phu.
9. Tên thanh tịnh, bậc Thánh.
10. Tên rốt ráo, chung cho tất cả pháp chân như, thật tế.

Luận nói: Cảnh sai biệt của mười tên gọi.

Giải thích: Mười thứ tên gọi khác nhau này đều là cảnh giới của Bồ-tát. Nơi ở của Bồ-tát chỉ ở thứ mười, chung cho tên gọi của tất cả pháp. Lại nữa, nói lược danh có mười thứ, là cảnh giới Bồ-tát.

Danh pháp: như Mắt, v.v...

Danh nhân: Ngã, chúng sinh, v.v...

Danh pháp: Chánh giáo của mười hai bộ.

Danh nghĩa: Nghĩa chánh giáo của mười hai bộ.

Danh tánh: A, a là ban đầu, ha là sau cuối. Âm chữ hợp ba mươi bảy.

Danh lược: là hữu vi, vô vi.

Danh rộng: Sắc, thọ, v.v... và không.

Danh bất tịnh: Phàm phu, v.v...

Danh tịnh: Tu-đà-hoàn v.v...

Danh tốt ráo: duyên cùng cực cảnh chung, trí xuất thế và đối tượng duyên của hậu trí xuất thế: cảnh chân như của tất cả pháp. Lại nữa, danh là danh chí tốt ráo, chung cho tất cả pháp, đối với tất cả pháp không có khác nhau, danh này tức là pháp giới. Pháp giới này vì chung cho tất cả pháp không phân biệt tất cả nghĩa làm tướng. Hoặc nói cảnh vô phân biệt của danh, Bồ-tát chỉ trụ trong pháp này, nghĩa khác có nói rộng trong chương riêng.

Chương nghĩa khác nhau sinh thành đức của Phật hồi hướng thứ mười.

Phật khởi đức khắp duỗi hóa nhiếp thọ chúng sinh, các tông chia cắt, xếp đặt khác nhau, nếu y cứ Tiểu thừa thì báo thân Phật thật, sinh ở cung vua, đến cây Bồ-đề, thành Phật, nhiếp hóa chúng sinh, dụng và đức đều ở trong đó. Nếu y cứ vào ba thừa thì pháp thân không có phương đầy khắp pháp tánh, báo thân thành tựu ở xứ Sắc Cứu Cánh, hóa thân thị hiện dưới cây Bồ-đề, dụng hóa độ và đức đều không rời. Ba vị này nếu là nghĩa Nhất thừa, công đức sở hữu đều không rời. Mười Phật có hai thứ:

1. Mười Phật hạnh cảnh, nghĩa là vô trước Phật, v.v... như phẩm Ly thế gian nói.

2. Mười Phật giải cảnh, nghĩa là thân chúng sanh, thân Phật, v.v... trong ba thế gian của địa thứ tám, đủ như thuyết Tiểu thừa kia, vẫn ứng hiện trong cung vua và dưới cây Bồ-đề, pháp ấy là ở tâm sau cùng của Thập Hồi Hướng.

Hỏi: Từ nhân tu đạo, chứng lý sau Thập địa, lẽ ra phải ở tế sau Thập địa, ấy là thị hiện cây Bồ-đề, vì sao Phật ở trong Thập Hồi Hướng?

Đáp: Nếu theo nghĩa Ba thừa thì chấp nhận có tướng này. Nay, y cứ nghĩa Nhất thừa là thuận với sáu tướng kia, các vị của pháp chung, riêng tức không có trước, sau. Sở dĩ hiện Thập hồi hướng vì hồi hướng là trí khéo léo, vì giảng nói tướng khéo léo vĩ đại của Phật, nên nghiêng về Thập hồi hướng. Sở dĩ biết được là do thân cây Bồ-đề ở Thập hồi hướng, nghĩa khác có thể biết.